

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS-ST

Ngày: 05-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hải Quân;

Bà Lê Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2026/TLST-HS, ngày 10/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 23/01/2026, đối với:

- Bị cáo:

1. **Hoàng Thị K** (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 08/4/1995, tại tỉnh Lào Cai; căn cước công dân số ... do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/8/2021; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường P, tỉnh Ninh Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973; chồng: Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; có 04 người con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2025 đến nay. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn L** (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 30/01/1991, tại tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số ... do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/9/2022; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường P, tỉnh Ninh Bình; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K1, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thúy M, sinh năm 1967; vợ: Hoàng Thị K, sinh năm 1994; có 04 người con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2025 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Thanh Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: F T, Tổ A, phường H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

3. Ông Bùi Quang A, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã D, Tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

5. Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố D, xã T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

6. Anh Đặng Văn K2, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm B, xã L, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn D, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

8. Anh Trần Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

9. Ông Lê Văn D, sinh năm: 1973; địa chỉ: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

10. Chị Nông Thị D1, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

11. Anh Nông Văn B, sinh năm: 1989; địa chỉ: Xã T, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm: 1977; địa chỉ: Xã P, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Y, xã M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

14. Ông Đỗ Phát T2, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ C, ấp F, xã C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

15. Chị Võ Hải V, sinh năm: 1999; địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Đình V1, sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn P, xã C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

17. Anh Trần Ngọc T3, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A N, Phường M, Tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

18. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường

P, thành phố H. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

19. Anh Nguyễn Tiến Q1, sinh năm: 1992; địa chỉ: xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

20. Anh Cao Văn T5, sinh năm: 1987; địa chỉ: Đ, Thôn X, Xã T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

21. Anh Trần Bá V2, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

22. Anh Hà Mạnh T6, sinh năm: 1980; địa chỉ: 4 T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

23. Anh Nguyễn Quang T7, sinh năm: 1988; địa chỉ: xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

24. Anh Nguyễn Văn T8, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

25. Anh Hồ Sỹ Q2, sinh năm: 1983; địa chỉ: Xóm G, xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

26. Anh Hoàng Văn T9, sinh năm: 1984; địa chỉ: Xã X, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

27. Ông Nguyễn Đắc Q3, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ G, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

28. Anh Lưu Trương Kim T10, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ D, phường T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

29. Ông Phạm Văn T11, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, khu C, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

30. Ông Nguyễn Tiến T12, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

31. Anh Huỳnh Chí L1, sinh năm 1982; địa chỉ: D T, phường E, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

32. Ông Nguyễn Lữ Phi L2, sinh năm 1979; địa chỉ: 1 B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

33. Ông Phạm Xuân T13, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

34. Chị Phạm Vũ Ngọc V3, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

35. Ông Nguyễn Văn T14, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu V, phường V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

36. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Long An. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

37. Anh Phạm H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã I, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

38. Anh Trần Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân T15, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2024, Hoàng Thị K nảy sinh ý định cùng chồng là Nguyễn Văn L thông qua mạng xã hội Facebook đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách thức sử dụng mạng xã hội Facebook thực hiện phiên “*Livestream*” bán các cục đất, đá không có đá quý bên trong (đổ thạch) lấy tiền tiêu sài. Hai vợ chồng đã thuê căn nhà số A, đường L, thuộc thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn của bà Mai Thị N2 làm nơi ở và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Các bị cáo tìm mua đá Thạch Anh, chuẩn bị công cụ, phương tiện phục vụ cho việc “*Livestream*” như điện thoại, đèn pin, cân tiểu li, giấy, bút, rổ nhựa, gáo nhựa, thớt đá, búa kim loại, bóng điện; mua trang Facebook “*Búa Là Nổ*”, thuê chạy quảng cáo trang Facebook nhằm tăng tương tác, tiếp cận nhiều người xem; sử dụng số điện thoại 0929.255.159 để đăng ký tài khoản Zalo có tên “*Đá Quý L*”; các bị cáo còn đến công trường khu đô thị phía đông thị trấn Đ, nhặt các cục đá phẩn để giả là các “*ô đá quý*”.

Ngoài ra các bị cáo còn sử dụng ứng dụng Ngân hàng ảo trên mạng xã hội, dùng số tài khoản Ngân hàng V4 100873058702 của Hoàng Thị K và số tài khoản Ngân hàng A1 290028100532 của Nguyễn Văn L để nhận tiền từ tài khoản của người xem khi đặt mua các cục đất đá mà tin rằng bên trong có đá quý.

Sau khi chuẩn bị đủ công cụ, phương tiện, các bị cáo tiến hành thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức “*Livestream*”, phát trực tiếp trên mạng xã hội Facebook, trong khoảng thời gian từ 10h00 đến 14h00 và từ 19h00 đến 22h00 hàng ngày.

Quá trình “*Livestream*”, Hoàng Thị K là người thực hiện giao tiếp, nói chuyện trực tiếp với người xem, tiến hành đập các ổ đá, rửa đá, soi đá Thạch Anh. Nguyễn Văn L là người hỗ trợ trong việc sử dụng các tài khoản Facebook ảo để tương tác, nhắn tin với người mua ổ đá qua ứng dụng Zalo, sử dụng tài khoản Ngân hàng của bản thân và của vợ để nhận tiền và sử dụng ứng dụng Ngân hàng giả để tạo các mã chuyển tiền giả.

Để tạo lòng tin, kích thích, lôi kéo được nhiều người mua các ổ đá, quá trình “*Livestream*”, Hoàng Thị K liên tục mời người xem tham gia mua ổ đá với giá từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng và nói các ổ đá này khả năng cao sẽ có đá quý đạt chất lượng và sẽ được thu mua lại với giá cao từ 10 đến 20 triệu đồng/01 carat. Các bị cáo còn tạo tình huống có người mua ổ đá trúng đá quý bằng cách sử dụng tài khoản Facebook ảo giả mua phôi đá trên “*Livestream*”; sau đó Hoàng Thị K tiến hành đập ổ đá đồng thời lợi dụng góc khuất camera điện thoại để bốc những viên đá có lẫn một số viên có chất lượng tốt vào trong rổ rồi tiến hành rửa, cho ra thớt đá và nhặt các viên đá Thạch Anh cho vào đĩa sứ, sử dụng đèn pin để soi từng viên, khi soi đến viên đá có chất lượng sẽ dùng cân tiêu li để cân trọng lượng, thu mua lại tùy theo kích thước, hình dạng viên đá đó, giá trị mỗi lần thu mua từ khoảng vài trăm triệu đến hơn một tỷ đồng.

Sau đó Nguyễn Văn L sẽ sử dụng ứng dụng Ngân hàng ảo để tạo những mã chuyển tiền giống như thật nhằm lừa dối người xem. Khi có người xem tin tưởng mua ổ đá thì người đó sẽ chủ động nhắn tin qua tài khoản Zalo “*Đá Quý L*” để hỏi mua các ổ đá, Nguyễn Văn L sẽ gửi mã QR số tài khoản Ngân hàng của mình hoặc của vợ cho bị hại chuyển tiền. Sau khi đã nhận được tiền, Hoàng Thị K sẽ tiến hành đập ổ đá đó giống các bước như trên, tuy nhiên Hoàng Thị K sẽ bốc những viên đá Thạch Anh bị rạn, bị nứt, có bọt...không đạt chất lượng trộn lẫn vào rổ để rửa, khi soi các viên đá sẽ nói cho người mua và những người đang theo dõi “*Livestream*” xem tình trạng của các viên đá không đạt chất lượng nên không thu mua lại để chiếm đoạt tiền của bị hại. Sau đó Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L sẽ động viên, khích lệ bị hại tiếp tục tham gia mua ổ đá khác để có cơ hội trúng đá quý. Các bị cáo thực hiện hành vi như trên từ tháng 10/2024 đến ngày 16/01/2025 thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Kết quả điều tra chỉ xác định được cả hai bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 38 bị hại với tổng số tiền 281.950.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phát hiện và khởi tố vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo truy tìm bị hại trên cả nước. Căn cứ lời khai, dữ liệu sao kê tài khoản Ngân hàng của các bị cáo có 100 số tài khoản chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng V4 số 100873058702 của Hoàng Thị K và số tài khoản Ngân hàng A1 290028100532 của Nguyễn Văn L, tương ứng số tiền 676.104.000 đồng. Cơ quan điều tra yêu cầu các Ngân hàng liên quan cung cấp thông tin chủ tài khoản, kết quả:

Xác định và ghi lời khai được 38 bị hại tương ứng 38 số tài khoản với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 281.950.000 đồng, trong đó: 29 bị hại yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt tương ứng với 245.850.000 đồng; 07 bị hại không có yêu cầu, đề nghị tương ứng với 31.600.000 đồng, 02 bị hại không yêu cầu trả lại mà đề nghị sung công quỹ nhà nước số tiền bị chiếm đoạt tương ứng với 4.500.000 đồng.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại số tiền 60.000.000 đồng nộp tại Thi hành án dân sự và tại phiên tòa các bị cáo đề nghị dùng số tiền bị phong tỏa trong tài khoản ngân hàng là 45.213.484 đồng, tổng 105.213.484 đồng để tự nguyện bồi thường theo tỷ lệ tương ứng cho 38 bị hại; số còn lại 176.736.516 đồng các bị cáo tự nguyện cam kết sẽ bồi thường tiếp cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKSLS-P1 ngày 16/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1 (là bố đẻ, bố chồng) không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 60.000.000 đồng do ông tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả và mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, con của các bị cáo còn nhỏ. Anh Nguyễn Xuân T15 đề nghị được trả lại chiếc xe máy do các bị cáo tự ý lấy sử dụng làm phương tiện phạm tội trong khi anh không có ở nhà.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét:

*** Trách nhiệm hình sự:**

- *Về tội danh:* Đề nghị tuyên bố bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- *Về hình phạt:*

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị K mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù và bị cáo Nguyễn Văn L mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng Hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*** Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 07 điện thoại di động.

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ công cụ, phương tiện thực hiện, liên quan hành vi phạm tội.

- Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T15 01 (một) xe mô tô biển số 90B3

*** Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới, hoàn trả cho 29 bị hại với tổng số tiền là 245.850.000 đồng (xác nhận tài khoản Ngân hàng số 290028100532 tại Ngân

hàng A1 của bị can Nguyễn Văn L; Các tài khoản Ngân hàng số 100873058702, 101879124081 tại Ngân hàng V5 của Hoàng Thị K, có tổng số tiền bị phong tỏa là 45.213.484 đồng). Ngày 21/01/2026 các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại tổng số tiền 60.000.000 đồng. Các bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại với tổng số tiền là 140.636.515 đồng.

* Truy thu của các bị cáo số tiền 31.600.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

* **Án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đã thể hiện tại phần đầu của Bản án), người vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai được thu thập, lưu giữ trong hồ sơ và đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ; xét thấy việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản sự việc, biên bản thu giữ tang vật đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định: Từ khoảng tháng 10/2024 đến ngày 16/01/2025, tại xã C, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L đã có hành vi dùng các cục đá phẩn để giả là các ổ đá sẽ có đá quý bên trong, rồi tiến hành “livestream” trên mạng xã hội Facebook rao bán, đưa ra thông tin gian dối bên trong các ổ đá có đá quý đạt chất lượng và sẽ mua lại với giá cao hơn gấp nhiều lần, để người xem tin tưởng, chuyển tiền mua ổ đá. Sau đó liền khai đập thì bên trong không có đá quý có chất lượng nên các bị cáo sẽ không thu mua lại và đã chiếm đoạt được số tiền 281.950.000 đồng của 38 bị hại đã chuyển khoản trước đó (người nhiều nhất là 40.000.000 đồng, người ít nhất là 300.000 đồng). Số tiền chiếm đoạt được các bị cáo đã sử dụng để chi tiêu cá nhân, mua dụng cụ tái sử dụng, thuê chạy quảng cáo... Khi bị bắt giữ trong tài khoản còn 45.213.484

đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi các loại tội phạm trên không gian mạng có xu hướng gia tăng và ngày càng phức tạp khó lường.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền một cách nhanh chóng; các bị cáo đã lợi dụng lòng tham, tâm lý cầu may của chủ sở hữu, dùng thủ đoạn gian dối, bằng hình thức mua lại trang Facebook có lượng lớn người theo dõi, chạy quảng cáo tăng lượt tương tác, tổ chức “*Livestream*” (phát trực tiếp), quảng bá các cục đất, đá thông thường là chứa đá quý bên trong, tạo tình huống giả rằng người mua trúng đá quý có giá trị cao và sẽ được mua lại với giá hấp dẫn, nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại.

[6] Từ các phân tích nêu trên đảm bảo căn cứ kết luận, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

“Điều 174. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

. . . 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ... ”.

[7] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[8] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có liên quan, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

[9] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn với vai trò đều là người thực hành, thực hiện hành vi chuẩn bị công cụ phương tiện, thuê địa điểm, Hoàng Thị K là người khởi xướng, rủ chồng và trực tiếp thực hiện “*Livestream*” bán hàng trực tuyến,

Nguyễn Văn L là người hỗ trợ sử dụng mạng xã hội, tương tác tạo lòng tin, nhận tiền của khách mua hàng không đúng giá trị thực.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân hai bị cáo là lao động chính trong gia đình.

[11] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[13] Các bị cáo có 04 con chưa thành niên (lớn nhất sinh năm 2016, có 02 con sinh đôi sinh năm 2020 và 01 con dưới 36 tháng tuổi sinh năm 2023); kể từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam đến nay đã hơn một năm, các con do ông bà nội, ngoại chăm sóc (ông bà đều trên 60 tuổi, không có nghề nghiệp, việc làm thu nhập để có thể nuôi dưỡng các cháu); tại phiên tòa, các bị cáo đã tự nguyện cam kết bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho 29 bị hại có yêu cầu bồi thường dân sự, với tổng số tiền là 245.850.000 đồng (trong đó, đã thực hiện được 105.213.484 đồng, gồm 45.213.484 đồng trong tài khoản đang bị niêm phong và đã tác động người thân nộp khắc phục hậu quả 60.000.000 đồng).

[14] Ngoài ra, các bị cáo sinh ra trong gia đình có truyền thống cách mạng, có ông nội là Nguyễn Kim T16 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và bố là ông Nguyễn Văn K1 là cựu chiến binh tham gia đóng quân ở H, Cao Bằng. Quá trình sinh sống tại địa phương có lối sống tích cực, nhiệt thành tham gia các hoạt động quyền góp ủng hộ thiện nguyện, hỗ trợ phòng chống covid, chống lụt bão...có xác nhận của chính quyền địa phương. Về lỗi của các bị hại, chỉ vì tâm lý muốn kiếm tiền nhanh chóng, tự giác đặt cược, tự chuyển tiền vào tài khoản để mua những ổ đá vô tri (không có kiểm định của cơ quan chức năng) bằng giá tiền rẻ để khi khai đập với hy vọng trong đó có đá quý đạt chất lượng cao thì mua lại với giá cao hơn gấp nhiều lần; mặc dù các chiêu trò lừa đảo này là không mới và đã được các cơ quan bảo vệ pháp luật, báo chí, mạng xã hội nhiều lần cảnh báo với nhiều vụ án đã xảy ra trước đó. Chính vì tâm lý thiếu cảnh giác, háms lợi, thích đồ đen đã tự mình tạo điều kiện cho các bị cáo lợi dụng để thực hiện các thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản một cách dễ dàng thông qua giao dịch mua bán công khai trên trực tuyến. Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[15] Hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét mức độ lỗi của các bị hại; các bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; nhân thân tốt; cả hai vợ chồng cùng phạm tội chỉ vì mục đích kiếm tiền nuôi sống gia đình có bố mẹ

già và các con nhỏ, có ý thức bồi hoàn khắc phục hậu quả và thực tế đã thực hiện được một phần thiệt hại nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đó là hình phạt tù, trong đó bị cáo Hoàng Thị K phải chịu mức án nặng hơn ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo Nguyễn Văn L mức án khởi điểm của khung hình phạt; đủ thời gian để các bị cáo cải tạo tập trung, học tập, sửa chữa lỗi lầm đảm bảo mục đích chính của hình phạt mang tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung; cho các bị cáo hưởng lương khoan hồng, thể hiện tính nhân văn của pháp luật đối với hình phạt bị áp dụng đối với những người trong cùng gia đình, để các bị cáo sớm được trở về đoàn tụ chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái trở thành người có ích cho xã hội.

[16] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh, xác định các bị cáo không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, phụng dưỡng bố mẹ già và nuôi dưỡng 04 con chưa thành niên. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo do không khả thi trong công tác thi hành án.

[17] Xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng dùng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng cần tịch thu, hoá giá nộp ngân sách nhà nước gồm: 07 chiếc điện thoại di động. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng gồm: Các thẻ sim số, đèn pin, giá đỡ điện thoại, cân tiểu ly điện tử, găng tay cao su, ủng, các viên đá nhiều màu sắc, vỏ nhựa, bát sứ, đĩa sứ, búa, củ sạc điện thoại, dây sạc, kéo, bút lông, mẫu giấy, bóng đèn, phiến đá màu trắng, gáo nhựa, chổi nhựa, bàn chải, chậu nhựa, dây điện, ổ điện, ghế nhựa, ống nhựa, củ WIFI, bao tải chứa bên trong chứa các cục đất, đá, chiếc bàn có chân gập và các viên đá. Trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu do các bị cáo tự ý sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[18] Về nghĩa vụ dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả của các bị cáo cho 29 bị hại với tổng số tiền là 245.850.000 đồng. Trong đó, gia đình bị cáo đã nộp 60.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả tại Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn và các bị cáo tự nguyện sử dụng số tiền 45.213.484 đồng trong các tài khoản Ngân hàng đang bị phong tỏa (tài khoản Ngân hàng số 290028100532 tại Ngân hàng A1 của bị can Nguyễn Văn L; tài khoản Ngân hàng số 100873058702, 101879124081 tại Ngân hàng V5 của Hoàng Thị K) để trả lại cho các bị hại tương ứng với tỷ lệ số tiền bị chiếm đoạt. Các bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền chiếm đoạt là 140.636.516 đồng.

[19] Biện pháp tư pháp:

[19.1] Để đảm bảo thi hành án cần tiếp tục phong tỏa đến khi thi hành án xong đối với: số tiền 542.376 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 290028100532 tại Ngân hàng A1 của bị can Nguyễn Văn L; số tiền 44.344.176 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 100873058702 và số tiền 326.931 đồng tài khoản Ngân

hàng số 101879124081 tại Ngân hàng V5 của Hoàng Thị K, để thi hành nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả cho các bị hại.

[19.2] Truy thu số tiền do phạm tội mà có của Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L là **36.100.000 đồng** (bao gồm, số tiền của 07 bị hại không có yêu cầu, đề nghị tương ứng với 31.600.000 đồng, 02 bị hại không yêu cầu trả lại mà đề nghị sung công quỹ nhà nước số tiền bị chiếm đoạt tương ứng với 4.500.000 đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

[20] Tình tiết, sự việc có liên quan: Đối với 62 trường hợp có chuyển số tiền tương ứng 394.154.000 đồng vào tài khoản của các bị cáo nhưng Cơ quan điều tra không làm rõ được, cụ thể: Ngân hàng không cung cấp thông tin 06 trường hợp tương ứng với 21.500.000 đồng; Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra nhưng không nhận được kết quả 33 trường hợp tương ứng 196.104.000 đồng; có 02 trường hợp chủ tài khoản trình bày không nhớ đã chuyển tiền hộ cho ai vào tài khoản các bị cáo tương ứng 9.650.000 đồng; 03 trường hợp chủ tài khoản xác nhận không được chuyển số tiền 13.900.000 đồng; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương 16 trường hợp tương ứng 116.000.000 đồng; 01 trường hợp xác minh không cư trú tại địa bàn tương ứng 13.000.000 đồng; 01 trường hợp từ chối làm việc tương ứng 21.000.000 đồng. Đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để giải quyết theo quy định pháp luật.

[21] Đối với bà Mai Thị N2 là người đã cho các bị can thuê nhà. Bà N2 không biết các bị can thuê nhà để thực hiện hành vi phạm tội, không được giúp sức nên không xem xét, xử lý.

[22] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại phải thi hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[23] Quan điểm đề nghị luận tội và căn cứ pháp luật áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan đến vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[24] Các bị cáo có quyền kháng cáo phần bản án liên quan theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, Điều 50, Điều 58; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 và các Điều 357, 468 của Bộ luật

Dân sự.

Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 260, 292, 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

I. Tội danh và hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2025.

II. Nghĩa vụ dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện các bị cáo, có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho 29 bị hại với tổng số tiền là 245.850.000đ (hai trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng); xác nhận các bị cáo đã bồi thường được một phần cho từng bị hại theo tỷ lệ tương ứng với tổng số tiền 105.213.484đ (một trăm lẻ năm triệu, hai trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng), số còn lại phải tiếp tục bồi thường là 140.636.516đ (một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm mười sáu đồng), cụ thể:

1. Anh Phạm Thanh Đ số tiền 5.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 2.139.790 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 2.860.210 đồng.

2. Ông Trần Văn T số tiền 25.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 10.912.930 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 14.587.070 đồng.

3. Ông Bùi Quang A số tiền 10.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 4.279.580 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 5.720.420 đồng. Anh Đặng Văn K2 số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 855.916 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.144.084 đồng.

4. Anh Nguyễn Hữu T1 số tiền 4.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.711.832 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 2.288.168 đồng.

5. Anh Trần Văn S số tiền 9.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 3.851.622 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 5.148.378 đồng.

6. Ông Lê Văn D số tiền 12.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 5.135.496 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 6.864.504 đồng.

7. Chị Nông Thị D1 số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 855.916 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.144.084 đồng.

8. Anh Nông Văn B số tiền 11.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 4.921.517 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 6.578.483 đồng.

9. Ông Nguyễn Văn Đ1 số tiền 10.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 4.493.559 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 6.006.441 đồng.

10. Ông Đỗ Phát T2 số tiền 5.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 2.139.790 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 2.860.210 đồng.

11. Chị Võ Hải V số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 855.916 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.144.084 đồng.

12. Anh Trần Ngọc T3 số tiền 1.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 427.958 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 572.042 đồng.

13. Anh Nguyễn Tiến Q1 số tiền 3.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.497.853 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 2.002.147 đồng.

14. Anh Trần Bá V2 số tiền 40.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 17.118.322 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 22.881.678 đồng.

15. Anh Hà Mạnh T6 số tiền 2.200.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 941.508 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.258.492 đồng.

16. Anh Nguyễn Quang T7 số tiền 3.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.283.874 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.716.126 đồng.

17. Anh Nguyễn Văn T8 số tiền 13.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 5.563.455 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 7.436.545 đồng.

18. Anh Hồ Sỹ Q2 số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 855.916 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.144.084 đồng.

19. Anh Hoàng Văn T9 số tiền 10.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã

thực hiện bồi thường được 4.279.580 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 5.720.420 đồng.

20. Ông Nguyễn Đắc Q3 số tiền 21.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 9.201.098 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 12.298.902 đồng.

21. Anh Lưu Trương Kim T10 số tiền 3.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.283.874 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.716.126 đồng.

22. Ông Phạm Văn T11 số tiền 3.700.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.583.445 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 2.116.555 đồng.

23. Ông Nguyễn Tiến T12 số tiền 1.700.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 727.529 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 972.471 đồng.

24. Ông Nguyễn Lữ Phi L2 số tiền 6.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 2.567.748 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 3.432.252 đồng.

25. Ông Phạm Xuân T13 số tiền 2.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 1.069.895 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.430.105 đồng.

26. Chị Phạm Vũ Ngọc V3 số tiền 1.750.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 748.927 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.001.073 đồng.

27. Ông Nguyễn Văn T14 số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 855.916 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 1.144.084 đồng.

28. Anh Nguyễn Văn H1 số tiền 29.500.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã thực hiện bồi thường được 12.624.762 đồng; buộc bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 16.875.238 đồng.

(Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường được cho 29 bị hại là 105.213.484, bao gồm số tiền 542.376 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 290028100532 tại Ngân hàng A1 của bị can Nguyễn Văn L; số tiền 44.344.176 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 100873058702 và số tiền 326.931 đồng tài khoản Ngân hàng số 101879124081 tại Ngân hàng V5 của Hoàng Thị K và số tiền 60.000.000 đồng nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số 000097, 000098 cùng ngày 21-01-2026).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

III. Xử lý vật chứng.

1. Tịch thu hoá giá, nộp ngân sách nhà nước:

1.1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, số seri: FK1ZL1N9N701, màu xanh đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 01.

1.2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, tình trạng không bật được nguồn, màn hình có nhiều vết nứt vỡ, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 02.

1.3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, vỏ màu tím, màn hình cảm ứng, không gắn sim, số IMEI 1: 861570043185057, số IMEI 2: 861570043185040, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 03.

1.4. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, mặt lưng màu đỏ, màn hình cảm ứng, không gắn sim, số seri RCKBN7KF89DYTWBE số IMEI 1: 869383037124955, số IMEI 2: 869383037124948 đã qua sử dụng được niêm phong trong dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 04.

1.5. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A03, mặt lưng màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1) 350538280995718, số IMEI (khe 2): 359923670995711, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 05.

1.6. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8PLUS, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358691092031453, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 06.

1.7. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A52s, mặt lưng màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1): 350346451126463, số IMEI (khe 2): 350895261126469, được niêm phong trong phong bì dán kín, tại

mép phong bì có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, được ký hiệu số 07.

2. Tịch thu, tiêu huỷ:

2.1. 01 (một) đèn pin bằng kim loại màu đỏ trắng, chiều dài khoảng 17cm, đã qua sử dụng.

2.2. 01 (một) giá đỡ điện thoại màu đen, chiều dài 36cm, có đế bằng nhựa màu đen đường kính 11cm, đã qua sử dụng.

2.3. 02 (hai) cân tiểu ly điện tử màu đen, đã qua sử dụng.

2.4. 50 (năm mươi) chiếc gang tay cao su màu trắng, đã qua sử dụng.

2.5. 01 (một) đèn pin kích thước 15,5cm x 3cm, đã qua sử dụng.

2.6. 02 (hai) chiếc ủng màu xanh, đã qua sử dụng.

2.7. 01 (một) túi ni lông màu trắng bên trong chứa các viên đá nhiều màu sắc, trọng lượng 5,8kg.

2.8. 01 (một) rổ nhựa hình tròn màu xanh, đường kính 15cm, đã qua sử dụng.

2.9. 01 (một) rổ nhựa hình tròn màu đỏ, đường kính 15cm, đã qua sử dụng.

2.10. 02 (hai) rổ nhựa hình vuông màu xanh, kích thước 15cm x 15cm, đã qua sử dụng.

2.11. 01 (một) bát sứ màu trắng, đã qua sử dụng.

2.12. 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đã qua sử dụng.

2.13. 01 (một) chiếc búa, đầu búa bằng kim loại, cán bằng gỗ, đã qua sử dụng.

2.14. 01 (một) giá đỡ điện thoại màu đen, đã qua sử dụng.

2.15. 03 (ba) củ sạc màu trắng (01 củ sạc có nhãn hiệu SIKENAI; 01 củ sạc có nhãn hiệu VIVO; 01 củ sạc không có nhãn hiệu), đã qua sử dụng.

2.16. 01 (một) dây sạc màu trắng, đã qua sử dụng.

2.17. 01 (một) chiếc kéo lưỡi bằng kim loại, cán màu đỏ trắng, đã qua sử dụng.

2.18. 01 (một) chiếc bút lông màu đỏ, nhãn hiệu Thiên Long, đã qua sử dụng.

2.19. 71 (bảy mươi mốt) mẫu giấy, trong đó có 45 mẫu có ký tự từ 500 đến 10M, còn lại không có ký tự.

2.20. 01 (một) bóng đèn màu trắng được đấu nối với dây điện và phích cắm, có tổng chiều dài 21,7cm, đã qua sử dụng.

2.21. 01 (một) phiến đá màu trắng không rõ hình dạng, kích thước 34cm x 35cm x 5cm, đã qua sử dụng.

2.22. 01 (một) rổ nhựa màu đỏ hình tròn, đã qua sử dụng.

- 2.23. 01 (một) gáo nhựa màu đỏ có tay cầm, đã qua sử dụng.
- 2.24. 01 (một) xúc rác màu đỏ, đã qua sử dụng.
- 2.25. 01 (một) chổi nhựa có cán bằng kim loại, đã qua sử dụng.
- 2.26. 01 (một) bàn chải nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng.
- 2.27. 01 (một) chậu nhựa màu hồng - đỏ, đường kính miệng chậu là 34cm, đã qua sử dụng.
- 2.28. 01 (một) chậu nhựa màu xanh, đường kính miệng chậu là 49,5cm, đã qua sử dụng.
- 2.29. 01 (một) dây điện màu vàng gắn liền với ổ điện màu cam, tổng chiều dài là 5,2m, đã qua sử dụng.
- 2.30. 01 (một) ghế nhựa màu trắng, hình vuông, kích thước 21cm x 21cm x 15cm, đã qua sử dụng.
- 2.31. 01 (một) ghế nhựa màu nâu, hình vuông, kích thước 19cm x 19cm x 15cm, đã qua sử dụng.
- 2.32. 01 (một) ống nhựa màu xanh dài 1,42m, đường kính 3cm, đã qua sử dụng.
- 2.33. 01 (một) củ WIFI nhãn hiệu 2TE màu trắng, kèm 01 dây sạc màu đen, đã qua sử dụng.
- 2.34. 28 (hai mươi tám) bao tải dừa màu cam có chữ “URE”, đã qua sử dụng.
- 2.35. 05 (năm) bao tải dừa màu cam bên trong chứa các cục đất, đá, mỗi bao có trọng lượng khoảng 15kg.
- 2.36. 01 (một) chiếc bàn có chân gập, kích thước 40cm x 60cm, đã qua sử dụng.
- 2.37. 01 (một) thùng cát - tông kích thước 25cm x 31,5cm x 23cm, bên trong đựng 01 túi ni - lông màu xanh có chứa 05 cục đất, đá. Hộp cát - tông được niêm phong theo quy định.
- 2.38. 01 (một) túi niêm phong ký hiệu NS4, mã số: NS4.2150598 bên trong chứa 15 viên đá không xác định hình dạng, kích thước. Được niêm phong theo quy định.
- 2.39.03 (ba) sim có số thuê bao 0929.255.159, 0377.410.588 và 0965.529.418;

3. Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T15 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh - đen - bạc, số khung: RLHJA3925NY292325, số máy: JA39E2789339, biển số 90B3 - 587.54, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2025).

IV. Biện pháp tư pháp

1. Tiếp tục phong tỏa đến khi thi hành án xong đối với số tiền 542.376 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 290028100532 tại Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn L; số tiền 44.344.176 đồng trong tài khoản Ngân hàng số 100873058702 và số tiền 326.931 đồng tài khoản Ngân hàng số 101879124081 tại Ngân hàng V5 của Hoàng Thị K, để thi hành trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả cho các bị hại theo danh sách tại mục II của phần quyết định bản án nêu trên.

2. Truy thu số tiền 36.100.000đ (ba mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có của các bị cáo Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L để sung vào ngân sách nhà nước.

V. Án phí.

1. Buộc các bị cáo Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L, mỗi người phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Buộc các bị cáo Hoàng Thị K và Nguyễn Văn L thực hiện nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.032.000đ (bảy triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng – đã làm tròn) để nộp Ngân sách Nhà nước.

VI. Quyền kháng cáo.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Hữu Lũng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường.